

ĐẶC TRƯNG HƯỚNG NỘI CỦA NỀN VĂN HOÁ EDO

NHẬT VƯƠNG*

Văn hoá Edo gần như chiếm gọn thời cận thế - thời kỳ được coi là thời đại phục hưng của văn hoá Nhật Bản sau hàng trăm năm nội chiến. Nếu các nền văn hoá thời kỳ đầu trung đại là quá trình tiếp nhận những ảnh hưởng chủ yếu của văn hoá Trung Hoa, thì văn hoá thời Edo là thời kỳ người Nhật hoàn thiện việc "Nhật hoá" các dòng văn hoá đó. Trong thiết chế đóng cửa, bài ngoại của một đất nước thống nhất, dưới sự cai quản của chính quyền quân sự phong kiến tập quyền, văn hoá Edo có những đặc trưng gì? Nền văn hoá đó có phát triển hay không? Nó có những thành tựu và hạn chế như thế nào. Đó là nội dung mà chúng tôi muốn đề cập trong bài viết này.

1. Bối cảnh chính trị, kinh tế và xã hội.

Thời Edo, chế độ phong kiến ở Nhật Bản đã phát triển đến đỉnh cao. Tuy nhiên, người điều hành tối cao của xã hội không phải là Thiên hoàng hoặc tầng lớp quý tộc cung đình, mà là những Tướng quân của chính quyền quân sự Mạc phủ. Điều này có nghĩa là, Thiên hoàng không có thực quyền mà chỉ là hình thức, các tướng quân vẫn tỏ ra cung kính với Thiên hoàng, các danh hiệu đều do Thiên hoàng bổ nhiệm. Song nhưng về thực chất, Thiên hoàng và quý tộc trong cung đình sống rất đạm bạc, ruộng đất được chia rất ít, mọi hoạt động đều bị Mạc phủ giám sát và khống chế. Trong lịch sử Nhật Bản, đây không phải là điều khác thường, bởi việc Thiên hoàng giữ vai trò hình thức là hiện tượng khá phổ biến. Nhưng ngược lại, về mặt tinh thần, vai trò của Thiên hoàng lại rất quan trọng, vì mọi

người dân Nhật Bản luôn tự coi mình là đồng dôi của thần thánh mà Thiên hoàng là đại diện của thần thánh, là người trông coi họ và bảo vệ đất nước Nhật Bản. Vì vậy, dù chỉ giữ cương vị hình thức, nhưng chưa bao giờ Thiên hoàng bị lật đổ. Chính là xuất phát từ quan hệ Mạc phủ và triều đình như vậy, nên Nhật Bản cũng thường xảy ra nhiều sự kiện phức tạp mang mưu đồ chính trị giữa hai thế lực này.

Trong bối cảnh hoà bình, kinh tế thời Edo phát triển rất thịnh vượng. Trừ những năm có thiên tai lớn gây mất mùa đói kém còn nhìn chung, đời sống toàn xã hội có chiều hướng đi lên rõ rệt. Edo dần trở thành trung tâm chính trị, văn hoá và kinh tế của cả nước. Đến thế kỷ XVIII, Edo trở thành thành phố đông dân nhất thế giới, với số dân lên đến hơn một triệu người và cùng với Osaka và Kyoto - hai thành phố lớn và phát triển, đã hình thành nên tầng lớp thương nhân và thợ thủ công đông đảo được gọi là *Chonin*. Tầng lớp *Chonin* này rất năng động và ngày càng trở nên giàu có. Mặc dù về địa vị, họ có thân phận thấp kém nhưng lại ít bị chính quyền can thiệp vào đời sống và công việc làm ăn, do đó kinh tế càng phát triển thì họ càng trở thành tầng lớp hưởng lợi nhiều nhất và nhanh nhất.

Khi cuộc sống của thị dân, cụ thể là của các thương nhân, trở nên khá giả thì cũng là lúc các võ sỹ bắt đầu bước vào con đường khốn khó. Lúc này, đồng tiền bắt đầu tác oai, tác quái đến nỗi các Hatamoto - quan chức cấp cao trong quân đội Mạc phủ, mặc dù được Mạc phủ cấp cho nhiều đất đai, nhưng cuộc sống vẫn rất khó khăn.

*Nghiên cứu viên, Viện Triết học.

Thời Edo, chế độ phân biệt đẳng cấp rất sâu sắc. Để duy trì trật tự xã hội phong kiến, Mạc phủ đề ra chế độ thân phận theo đẳng cấp gọi là "Mibun Seido" được sắp xếp theo thứ tự đẳng cấp là sỹ - nông - công - thương. Theo đó, tầng lớp võ sỹ được hưởng nhiều đặc quyền con người, còn người nông dân là những người chịu nhiều thiệt thòi nhất. Với đạo đức phong kiến theo quan điểm Nho giáo, gia đình được đề cao, chế độ gia trưởng được tôn trọng, tư tưởng trọng nam khinh nữ khá nặng nề, thân phận người phụ nữ rất thấp kém.

Đời sống ở các thành thị khá dân lên, nhà hát, các điểm vui chơi giải trí được xây dựng ở nhiều nơi. Các buổi biểu diễn nghệ thuật Rakugo (tấu hài) và Kodan (lời hát kể các tích truyện có nhạc đệm kèm theo) diễn ra khắp nơi. Số người thành thị đi học ở các lớp bình dân trở thành hiện tượng phổ biến.

Thời kỳ này, các ngày lễ lớn trong năm bắt đầu được tổ chức theo những nghi thức quy định. Các lễ hội theo mùa xưa kia vốn chỉ là lễ hội được tổ chức trong xã hội quý tộc thượng lưu thì nay được coi là phong tục truyền thống dân gian cần được bảo vệ và lưu giữ. Người hưởng nhiều nhất những thành quả văn hoá trong kỷ nguyên này không phải ai khác chính là tầng lớp Chonin có nhiều tiền. Họ khoác lên người những bộ quần áo bằng lụa với hoa văn đẹp đẽ mà người ta quen gọi là Gerokumoyo và ở trong những ngôi nhà hai tầng mái ngói. Trong khi đó, những người nông dân bị đè nén trăm bề và luôn phải chịu cảnh nghèo đói.

Càng về sau, chính sách cai trị của chính quyền Mạc phủ càng tỏ ra lỗi thời, không đáp ứng được những đòi hỏi ngày càng nâng cao của người dân. Dưới sức ép của các nước phương Tây và các phong trào đấu tranh trong nước khoảng giữa thế kỷ thứ XIX, Mạc phủ đã phải

chấm dứt chính sách đóng cửa và năm 1867 phải trao trả lại quyền cai trị đất nước cho Thiên hoàng, chấm dứt 265 năm cầm quyền của các tướng quân Tokugawa. Từ đó, nước Nhật bước vào kỷ nguyên mới, kỷ nguyên trị vì của Thiên Hoàng Minh Trị nổi tiếng trong lịch sử Nhật Bản.

2. Những thành tựu văn hoá thời Edo và đặc trưng hướng nội của nó.

a. Về giáo dục.

Cùng với những chuyển biến xã hội, Edo cũng được coi là một thời kỳ phát triển đa dạng, vượt trội về văn hoá, tư tưởng và giáo dục. Từ đầu thế kỷ thứ XVIII, tuy Khổng học, văn học Trung Quốc, lịch sử, thư pháp,... vẫn còn chiếm giữ một tỷ lệ lớn trong nội dung giảng dạy ở các trường học Nhật Bản, nhưng một số môn học mới như: toán học, thiên văn học, y học, sinh học, địa lý, vật lý, khoa học quân sự,... cũng đã được bổ sung thêm vào chương trình đào tạo. Ngay cả một số trường do Mạc phủ trực tiếp quản lý cũng cho giảng dạy những môn học hiện đại này.

Từ cuối thế kỷ thứ XVIII trở đi, giáo dục ở Nhật Bản không còn là đặc quyền của thiểu số người trong hoàng tộc và đẳng cấp võ sỹ nữa. Nhiều loại trường học đã được lập ra cho mọi đẳng cấp ở các vùng. "Đến cuối thời kỳ Edo, theo ước tính, có tới 11.302 trường học được thiết lập ở Nhật Bản. Trong thời gian đó, có khoảng 50% nam giới và 15% nữ giới biết đọc, biết viết. Tỷ lệ này, theo một số nhà nghiên cứu, cao hơn nhiều so với số người biết chữ tại những nước Châu Âu phát triển cùng thời. "Học tập đã trở thành một bộ phận quan trọng trong cuộc sống thường ngày của hầu hết các Samurai cũng như đông đảo tầng lớp thường dân. Điều đó có nghĩa là, trước khi hệ thống giáo dục hiện đại được thiết lập đã có một số lượng đông đảo những

giáo viên có kinh nghiệm, biết bao người trẻ tuổi đã có trình độ sơ đẳng biết đọc, biết viết, và rất nhiều gia đình đã quen với cuộc sống cho con đi học”⁽¹⁾.

Việc mở rộng phạm vi giáo dục ra tất cả các đẳng cấp trong xã hội đã sản sinh ra một đội ngũ những người có trí thức, các học giả xuất thân từ tầng lớp bình dân. Thực học được coi trọng, lối học tập theo chương trình cũ bị đá phá mạnh mẽ. Ở nhiều trường học, học viên được khuyến khích trình bày quan điểm của mình, các ý kiến cá nhân được coi trọng.

Thời Edo, việc nghiên cứu lịch sử và văn hoá nước nhà cũng rất được coi trọng. Chẳng hạn như, Arai Hakuseki (1657-1725) là một học giả, một chính trị gia nổi tiếng đã để lại nhiều tác phẩm quan trọng. Các tác phẩm của ông là những tư liệu quý cho các nhà nghiên cứu xã hội và lịch sử Nhật Bản.

Vào giai đoạn trung và hậu kỳ Edo, khuynh hướng hiện thực chủ nghĩa đã thể hiện cao độ, tinh thần hợp lý trong nghiên cứu Nho học, Cổ học và Khoa học tự nhiên được phát huy. Trong giới mỹ thuật và nghệ thuật cũng xuất hiện những tác phẩm nổi tiếng và có tính hiện thực cao. Thế kỷ XVIII, một số học giả đi sâu nghiên cứu cội nguồn Nhật Bản, đồng thời sáng lập ra phong trào phục hưng Thần đạo và hình thành nên cái gọi là “Quốc học”. Những người này chủ trương nghiên cứu văn học cổ điển và quay về tư tưởng của người cổ đại.

Ngành “Đương học” nghiên cứu phương Tây do Arai Hakuseki sáng lập từ thế kỷ thứ XVIII, sau đó đến thời Yoshimune, được Mạc phủ nới lỏng quy chế nhập khẩu và sách phương Tây đã được dịch ra chữ Hán. Thời đó, số người

trân trọng các sản phẩm do người nước ngoài đưa vào đã tăng lên dần. Các dụng cụ khoa học như phong vũ biểu, nhiệt kế, kính viễn vọng, đồng hồ,... được mọi người tán dương về độ tinh xảo. Đồng thời, số người quan tâm đến học vấn phương Tây mà đương thời gọi là Rangaku cũng tăng lên.

b. Về tôn giáo, tín ngưỡng.

Vào thời Edo, đạo Khổng mà chủ yếu là Tống Nho đã được chính quyền Mạc phủ chọn làm hệ tư tưởng chính thống của đất nước. Tống Nho vốn được truyền bá vào Nhật Bản từ thế kỷ thứ XIV và đã gây nên những cuộc tranh luận sôi nổi một thời. Tuy nhiên, phải đến thời Ieyasu lên cầm quyền thì những tư tưởng Khổng giáo mới thực sự đi vào cuộc sống thực tiễn ở Nhật Bản. Học thuyết Chu Hi đề cao hai chữ “Trung - Hiếu”, đây chính là điều kiện cần thiết hàng đầu để bảo vệ chế độ phong kiến và ở Nhật Bản thời kỳ này, người ta cho rằng, cũng cần phải củng cố hai đức tính ấy.

Đền thờ Khổng Tử được xây dựng ở nhiều nơi, không chỉ ở Edo, mà còn ở cả các phiên. Các thành viên trong dòng họ Tokugawa cũng thờ Khổng Tử. Vào những buổi lễ hội theo mùa, người ta tế đức Khổng tử như tế các vị thần của Nhật Bản xưa.

Mặc dù chính quyền Mạc phủ đề cao đạo đức Khổng giáo như một công cụ củng cố vị trí bá chủ của các tướng quân Tokugawa, nhưng trong tâm linh người Nhật Bản, Thần đạo vẫn không bao giờ mất đi. Người Nhật luôn ý thức được rằng, họ là con dòng cháu giống của các vị thánh thần và các vị thần linh vẫn được thờ phụng rộng rãi trong dân gian. Các lễ hội truyền thống vẫn được tổ chức hàng năm ở tất cả các địa phương để các *Kami* của họ luôn bảo trợ cho họ trong đời sống như tâm niệm tự bao đời. Hàng năm, đền Ise Jingu - nơi thờ tổ tiên của

⁽¹⁾ Dẫn theo: Nguyễn Văn Kim. *Chính sách đóng cửa của Nhật Bản thời kỳ Tokugawa: Nguyên nhân và hệ quả*. Nxb. Thế giới, Hà Nội 2000, tr. 210-211

Thiên hoàng xứ mặt trời mọc vẫn có từng đoàn người từ khắp nước Nhật tập nập hành hương về thờ cúng.

Nhìn chung, các học giả nổi tiếng của thời Edo khi nghiên cứu về đạo Khổng đều luôn cố gắng tìm những điểm tương đồng giữa đạo Khổng và Thần đạo. Nói cách khác, người Nhật tiếp thu đạo Khổng một cách chọn lọc, họ chỉ đề cao những gì phù hợp với truyền thống dân tộc của họ.

Đạo Khổng được tôn vinh như vậy không có nghĩa là đạo Phật bị lãng quên. Dù rằng, ưu thế có phần kém hơn nhưng đạo Phật vẫn đóng vai trò quan trọng trong đời sống xã hội. Đạo Phật vẫn chi phối nhiều tập tục trong dân chúng, trong từng gia đình như việc ma chay, thờ cúng người thân đã chết,... Nhiều tu viện, đền chùa lớn vẫn là những trung tâm mở mang việc học giáo lý đạo Phật và tụng kinh niệm Phật. Các tướng quân Tokugawa đều niệm Phật hàng ngày và môn phái Thiên vẫn tiếp tục được du nhập vào Nhật.

Vào thời Edo, đất nước hoà bình nên vai trò của những võ sỹ samurai không còn được đề cao như thời Chiến quốc. Nên chính trị, văn trị dần dần được thiết lập. Dưới thời bình, võ sỹ phải thể hiện mình như thế nào cho xứng đáng - đó là điều trăn trở của nhiều võ sỹ. Tầng lớp võ sỹ đã tìm thấy ý nghĩa cuộc sống trong kỷ luật, tính tự chủ, đạo lý về danh dự, bao hàm trong hành đạo của Thiên. Trong khi toạ Thiên, người võ sỹ trau dồi đạo đức Khổng giáo với các đức tính Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín. Theo đó, sự kết hợp giữa Tống Nho với Thiên đã tạo nên nền tảng cho võ sỹ đạo. Nó nhấn mạnh lòng can đảm, ý thức bốn phận trung thành vô hạn với lãnh chúa của mình và khi cần sẵn sàng chết vì danh sự. Quan niệm của Thiên về giác ngộ ngay trong đời sống hàng ngày đã đưa lại nghệ thuật khác như: kịch No, Trà đạo, Thư

pháp, nghệ thuật cắm hoa, ... Dù số môn đồ của Thiên ở thời đại này không lớn lắm, nhưng qua các cống hiến của tầng lớp võ sỹ samurai và các nghệ sĩ, Thiên đã có tác dụng chuyển hoá trong văn hoá và xã hội Nhật Bản.

Dưới thời Edo, có thời gian các chùa chiền Phật giáo còn bị biến thành nơi chôn cất các tín đồ Thiên chúa giáo. Chính vì vậy, Mạc phủ đã phải ra luật lệ quy định chặt chẽ việc quản lý các hoạt động cũng như nhân sự của chùa, cấm không cho chùa che giấu các con chiên. Có thể nói, dưới thời Tokugawa, Phật giáo được chấn hưng nhiều hơn dưới thời Momoya. Thực tế, sự hoà nhập tổng hợp giữa truyền thống Thần đạo và Phật giáo, Nho giáo đã trở thành nền tảng thẩm mỹ trong văn hoá truyền thống Nhật Bản.

Đạo giáo cũng hoà quện vào tín ngưỡng dân gian của người Nhật. Vốn là một đất nước có vô số Thần để người ta thờ phụng, tín ngưỡng của Thần đạo đề cao sự thanh khiết cả thể xác lẫn tâm hồn. Điều đó rất gần gũi với quan niệm của Đạo giáo rằng, người ta nên sống hoà mình với thiên nhiên và không nên gò ép tự nhiên. Người Nhật cũng coi trọng thờ cúng tổ tiên, trong nhà người Nhật đều có đặt bàn thờ để tưởng nhớ và thờ cúng cha mẹ, ông bà đã mất. Đây cũng chính là ảnh hưởng của Đạo giáo. Người Nhật quan niệm rằng, đến với các Kami phải thanh sạch. Có lẽ, nguồn gốc mang tính tâm linh này đã trở thành truyền thống văn hoá cao đẹp của dân tộc Nhật Bản⁽¹⁾.

Trong lịch sử, việc truyền đạo Cơ đốc giáo của các giáo sĩ Bồ Đào Nha vào Nhật Bản đã bắt đầu từ cuối những năm 40 của thế kỷ XVI. Thoạt đầu, nó đã được người Nhật tiếp nhận một cách nhiệt tình với động cơ khá thực dụng của

¹⁾ Hồ Hoàng Hoa. *Văn hoá Nhật những chặng đường phát triển*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội 2001, tr. 108-110.

các lãnh chúa là muốn kiếm lời qua ngoại thương. Thậm chí, các lãnh chúa còn ra lệnh cho các thân dân (hay tá điền) của mình phải theo đạo Cơ đốc, bởi họ thấy các giáo sĩ được các thương nhân rất kính trọng.

c. Về văn học nghệ thuật.

Cuối thế kỷ XVII - đầu thế kỷ XVIII, khi thể chế xã hội đi vào ổn định, không khí làm ăn của thị dân đã bắt đầu sôi nổi. Vào đời tướng quân thứ năm Tsunayoshi cầm quyền, trong niên hiệu Genroku, văn hoá của thời Edo tiền kỳ đã đạt đến đỉnh cao. Tào nên đỉnh cao văn hoá này là những Chonin giàu có ở vùng Kamigata, nơi đã kế tục được những tinh hoa của truyền thống văn hoá cổ xưa, đồng thời họ là tầng lớp có cuộc sống sung túc mà lại ít bị chính quyền can thiệp. Với quan niệm cuộc đời như kiếp phù sinh, nên các Chonin đã tạo ra một nền văn hoá phóng túng, vui tươi, giàu tính thị dân. Về văn nghệ, tầng lớp Chonin đi tìm tính nhân văn, những niềm hoan lạc của đời sống và điều này đã tạo nên đặc trưng của văn hoá Genroku. Về văn học, nghệ thuật, kỹ nguyên Genroku nổi lên một bộ ba Basho, Saikaku và Chikamatsu, một nhà thơ, một nhà tiểu thuyết và một nhà soạn kịch nổi tiếng của Nhật Bản.

Đến cuối thế kỷ XVIII - đầu thế kỷ XIX, cùng với sự phồn thịnh của Edo, trung tâm văn hoá cũng dần chuyển từ Kamigata về Edo. Văn hoá thời kỳ này đạt đến độ hưng thịnh nhất vào thời gian có niên hiệu là Bunka (1804-1818) và tiếp đó là Bunsei (1818-1830) đầu thế kỷ XIX nên người ta gọi đỉnh cao văn hoá này là kỹ nguyên văn hoá Bunka - Bunsei.

Thể thơ truyền thống Waka được ưa thích, nhưng vào thời Edo, thể thơ Haikai nổi lên như một hiện tượng mới và được lưu lại với tư cách một dấu ấn đậm nét trong văn đàn thể theo Haikai (Haiku) khơi nguồn từ Renka, vốn là câu mở đầu

của Renka gồm 17 âm tiết theo cấu trúc 5-7-5.

Vào cuối thời Muromachi, nhà thơ Renka tên là Yamazaki Soken đã có công làm cho thơ Haikai trở thành thể thơ độc lập và bản thân ông đã được mệnh danh là ông tổ của thơ Haikai. Giữa thế kỷ XVII, Mishiyama Soin đã đề cao tính tự do phóng túng của thơ Haikai, làm cho thể thơ này đi vào xu hướng bình dân thời thượng, tạo ra trường phái Danrin mà người ta còn gọi là Danrinfu.

Cuối thế kỷ XVII - đầu thế kỷ XVIII là thời kỳ đỉnh cao của văn hoá Genroku với sự xuất hiện của Matsuo Basho. Xuất thân từ một gia đình võ sĩ, ông đã lên Edo và quyết tâm trở thành nhà thơ Haikai. Thơ của ông ca ngợi thiên nhiên và cuộc sống con người một cách sâu lắng. Basho đã đưa chất u huyền, cô tịch vào thơ Haikai và làm cho nó mất đi vẻ tầm thường, trở thành những viên ngọc lung linh kỳ ảo, đượm màu sắc của Thiên đạo Phật.

Vào thời kỳ này, có lẽ lời cuốn người hâm mộ nhất là Kyoka và Senryu hay Kyoku mà tác giả tiêu biểu là Karai Senryu và Shoku Sanjin. Trong đời sống văn nghệ truyền thống của người Nhật, thơ ca luôn gắn với nhạc và múa, cũng như sân khấu không thể thiếu thơ và nhạc.

Các nhà viết tiểu thuyết khác ở thời Edo trung và hậu kỳ cũng coi văn nghệ là thứ giải trí, nên họ chuyển tải một cách vui nhộn những hình ảnh muôn màu, muôn vẻ của cuộc sống thị thành. Nửa cuối thế kỷ XVIII, các sách giải trí gọi là Sharebon đã được lưu hành rộng rãi, chủ yếu mang nội dung miêu tả cuộc sống ăn chơi ở chốn lầu xanh. Thời kỳ này, truyện cười và sách đọc lại phát triển.

Nhìn chung, hình ảnh người bình dân trong văn học thời Edo là hình ảnh của những con người thống khổ sống dưới

chế độ phong kiến hà khắc không lối thoát. Tuy nhiên, cũng có lúc, nó đã nói lên được những phản ứng mạnh, vạch trần những bất công trong xã hội hay sự hủ bại của chế độ phong kiến đương thời. Đúng như nhận định cho rằng: “Sau khấu thời Edo đã phản ánh khá trung thực xã hội Nhật Bản đương thời, vì vậy, nếu không nhắc đến sân khấu thời này thì sẽ không mô tả đầy đủ về xã hội thời kỳ này. Một đặc điểm nổi bật là sân khấu thời kỳ Edo đã đạt đến tính quần chúng đáng kinh ngạc”⁽³⁾.

Vào thời kỳ này, chốn Kamigata phổ biến là kịch rối Joruri. Thời Muromachi, các vở Joruri về những sử thi cổ với những đề tài nhà binh cổ được biểu diễn phổ biến. Đàn Samisen huyền diệu từ quần đảo Okinawa được du nhập vào bản địa và nó lập tức được bổ sung làm nhạc đệm cho các vở Joruri, khiến cho Joruri càng trở nên hấp dẫn. Chẳng bao lâu, biểu diễn Joruri cùng đàn Samisen đã trở nên phổ biến rộng rãi như một thứ mới thời thượng. Sau đó, những nghệ sĩ Nhật Bản lại sáng tạo thêm bước nữa khi đưa những con rối vào vở diễn Joruri và làm cho nó càng có sức cuốn hút đại chúng. Những người điều khiển con rối trùm kín người bằng bộ mũ áo màu đen khi biểu diễn, họ điều khiển những con rối bằng một kỹ xảo điêu luyện, tạo ra một ảo ảnh đầy kịch tính, hấp dẫn người xem.

Tuy nhiên, đối tượng phục vụ của Joruri thời đó không phải chỉ là những người nông dân thuần phác, mà chủ yếu là những thị dân đang phát lên ở chốn thị thành và các võ sĩ. Trong thời Genroku, cả rối và Joruri đều đạt đến tính đại chúng cao cả ở Edo lẫn ở Osaka.

Ở Nhật Bản, các điệu múa mang tính chất tôn giáo của đạo Phật phổ biến rộng

rãi từ thế kỷ XI đến thế kỷ XV và phát triển thành trào lưu múa gọi là “Furyu Odori”, có người gọi là “Bon Odori”. Các điệu múa này được chia làm hai loại: một loại có tính quần chúng, ai cũng có thể tham gia và một loại do các nghệ sĩ có kỹ thuật biểu diễn trên sân khấu cho mọi người xem. Vào đầu chế độ phong kiến hà khắc không lối thế kỷ XVII, các điệu múa Furyu Odori đã nhanh chóng phát triển thành “Kabuki Odori”.

Kabuki đồng âm với các từ “ca, vũ, kỹ”, nên người ta viết chữ Hán theo nghĩa này. Vào thời Genroku, Kabuki đạt đến đỉnh cao với sự xuất hiện của những diễn viên nổi tiếng của Sakata Tojuro thuộc vùng Kamigata và Ichikawa Dofuro ở Edo. Nhờ có Chikamasu Monzaemon mà Kabuki thời này bắt đầu phát triển như một thứ kịch của quần chúng.

Ảnh hưởng của sân khấu đối với đời sống ở Nhật Bản thời Edo thể hiện rất đa dạng. Các kiểu tóc, kiểu quần áo, kiểu mũ, kiểu guốc dép của các diễn viên được hâm mộ có ảnh hưởng đến một thời thượng khi đó. Đôi khi sân khấu tác động mạnh mẽ lên tình cảm của công chúng đến mức số lượng người tự vẫn vì tình, lượng con gái bỏ nhà theo trai tăng vọt. Điều đó đã khiến cho các nhà cầm quyền lo lắng và có lúc phải ra lệnh cấm những cảnh diễn quá kích động.

Kịch Nô là nghệ thuật của võ sĩ, ra đời trong thời nội chiến của Nhật Bản kéo dài liên miên trong thời trung cổ. Từ khi bước sang thế kỷ XVII thì không ai còn soạn kịch Nô nữa, có lẽ vì hai cha con Kanami và Zeami đã làm hết những gì cần làm để hoàn thiện thứ kịch có nghệ thuật tổng hợp kỳ diệu này. Tuy không ai sáng tác, nhưng kịch Nô vẫn được trình diễn với tất cả sự công phu của các trường phái sân khấu về thể loại này.

Về mặt kiến trúc, hội họa thì phong cách mỹ thuật hào hoa của thời

⁽³⁾ Hồ Hoàng Hoa. *Văn hoá Nhật những chặng đường phát triển*. Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội 2001, tr. 118.

Momoyama cũng được tiếp nối ở đầu thời kỳ Edo. Kiến trúc linh miếu được thịnh hành, Mạc phủ bỏ ra nhiều tiền để xây dựng linh miếu, tiêu biểu là cung Nikko Toshogu. Trong kiến trúc và điêu khắc đã xuất hiện một nghệ nhân nổi tiếng tên là Hidanri Jingoro ở Banshu. Ông đã tham gia nhiều công trình như cung Nikko, chùa Ueno Kaneiji và cải tạo pháo đài Edo Jo, cùng với rất nhiều tác phẩm khác mang tên Jingoro có mặt ở khắp nơi trên nước Nhật. Tên tuổi ông được nhắc đến trong các tác phẩm Kabuki Joruri vẫn còn được truyền tụng đến ngày nay.

Kỷ nguyên Genroku đã mở ra một vùng đất mới cho tranh phù thế Ukiyoe. Người có công khai phá vùng đất mới này là Hishikawa Moronobu. Tranh của ông có đề tài thông tục trong cuộc sống và ông đã lấy tên Ukiyoe - Tranh phù thế, để đặt tên cho loại tranh của mình. Vào giai đoạn trung và hậu kỳ Edo, người dân vẫn yêu thích nhất tranh phù thế Ukiyo e. Tranh phù thế khắc gỗ của Moronobu vốn rất thành công từ thời Genroku, đến kỷ nguyên Kansei, nó dần được cải tiến để đáp ứng đòi hỏi câu kỳ của những người yêu thơ Haiku muốn có những bức họa tương xứng đi kèm. Sau này, tranh khắc gỗ Ukiyoe tiến bộ rất nhanh, tờ tranh mỏng nhẹ, giá rẻ, người dân thường cũng mua được dễ dàng. Đề tài chủ yếu là tranh mỹ nữ. Về sau, các tranh vẽ danh nhân và phong cảnh cũng rất phát triển.

Cuối thế kỷ XVIII, các tranh nhân vật của Toshu Saisharuku và tranh mỹ nữ của Kitagawa Utamaro được công chúng hết sức hâm mộ. Xem tranh có thể hình dung ra lối sống buông thả của thị dân Edo thời bấy giờ.

Ngoài những bức tranh nghệ thuật trang trí đền đài miếu mạo, cũng đã xuất hiện mảng tranh mô tả sinh hoạt và lao động của người dân như bức bình phong "Nông canh xuân thu" mô tả cảnh thu

hoạch lúa ở nông thôn hay những bức tranh miêu tả cảnh lao động của người dân trong xưởng nấu rượu hay cảnh bắt cá voi. Những bức tranh này cho ta thấy được phần nào đời sống và sản xuất ở Nhật Bản thời cận thế.

Dưới thời Edo, nền mỹ thuật kỹ nghệ phục vụ sinh hoạt cũng phát triển như kỹ nghệ làm gốm, kỹ nghệ nhuộm. Nửa đầu thế kỷ XVII, người Nhật đã tiếp thu thành công kỹ thuật sản xuất sứ có in tranh màu đỏ Sakai Dakakiemon ở vùng gốm nổi tiếng Arita thuộc Tokyo (Nomomura Bunsei và sau đó là Ogata Kenzan là những người sản xuất gốm có in tranh màu sắc đẹp và cao nhã). Về hàng nhuộm, Yuzen đã khai sinh ra sản phẩm nhuộm nổi tiếng Yuzen Zome với những hoa văn đẹp trên nền satin hoặc vải kếp. Sản phẩm này đã trở thành mặt hàng nổi tiếng được người dân Nhật rất ưa chuộng.

d. Về lối sống.

Vào thời Edo, văn hoá ẩm thực phát triển rất cao để đáp ứng nhu cầu của mọi tầng lớp nhân dân, nhất là tầng lớp thượng lưu ở thành thị. Đối với người Nhật thì ăn uống không chỉ để no bụng, mà còn phải đáp ứng nhu cầu thẩm mỹ. Những cách thức câu kỳ trong việc sắp xếp, trưng bày mâm cơm của người Nhật khiến cho chúng ta trông như những tác phẩm nghệ thuật. Dưới thời Edo, nghệ thuật ẩm thực cũng như những nghệ thuật khác được hoàn thiện và nâng lên tầm cao mới, được quần chúng hoá nhanh chóng.

Do ảnh hưởng của giáo lý đạo Phật, người Nhật thời Edo rất ít ăn thịt, nguồn đạm chủ yếu của họ là tôm, cá - đặc biệt là món cá sống. Tương Miso, đậu phụ và rong biển luôn là món ăn không thể thiếu trong đời sống người Nhật. Có thể nói, từ xa xưa, người Nhật ăn uống về cơ bản là đạm bạc, nhưng các chất dinh dưỡng lại rất hài hoà, không ăn quá nhiều mỡ, dùng nhiều đạm thực vật và thủy sản. Đặc biệt,

người Nhật đòi hỏi các nguyên liệu thực phẩm phải có độ tươi cao, vì họ rất thích ăn sống.

Một trong những nét văn hoá lối sống tiêu biểu của người Nhật Bản là nghệ thuật trà đạo được du nhập từ Trung Quốc theo các nhà sư Thiền tông. Đến giữa thế kỷ XVI, việc uống trà đã được người Nhật đưa lên thành nghệ thuật theo phong cách Wabi dưới thời Edo. Cùng với việc hoàn thiện lý luận và phổ biến Zazen, trà đạo càng được người Nhật, nhất là tầng lớp võ sĩ, trân trọng. Cùng với sự thịnh hành của trà đạo, các kiểu bánh ngọt dùng khi uống trà cũng được chế biến. Đặc biệt, từ khi người Nhật bắt đầu sản xuất được đường vào cuối thế kỷ XVII, nhiều loại bánh kẹo của Nhật cũng đã được sản xuất.

Không chỉ ở các thành phố lớn, mà ở cả các vùng nông thôn xa xôi, các món ăn truyền thống của địa phương cũng được giữ gìn và phát triển. Vào thời kỳ này, do đời sống được nâng cao và giao thông phát triển thuận tiện, nên người Nhật rất hay đi du ngoạn ngắm cảnh và giao lưu văn hoá hay đi hành hương về các đền chùa. Đây chính là dịp để họ thưởng thức những món ăn đặc sản của các vùng, đồng thời cũng là điều kiện quan trọng cho kỹ thuật nấu nướng cũng như nghệ thuật ẩm thực phát triển.

Các tướng quân Tokugawa với 265 năm cai quản đất nước đã cố gắng rất nhiều để đưa một đất nước vừa ra khỏi hàng trăm năm nội chiến đi vào kỷ cương, nền nếp, thoát khỏi thời trung cổ, hoàn thành sứ mệnh xây dựng xã hội phong kiến cận thế, xây dựng nền văn hoá Edo mang những đặc thù lịch sử riêng của Nhật Bản. Khác với những thời kỳ văn hoá trước, văn hoá Edo không còn âm vang tiếng vó ngựa hay tiếng gươm khua của các Samurai dũng mãnh thời Nam Bắc Triều hay thời Chiến Quốc với những trận chiến đẫm máu giành quyền

lực của văn hoá Muromachi. Văn hoá Edo là văn hoá của xã hội phong kiến đi dần vào thế ổn định, Nho học được chấn chỉnh và đi vào cuộc sống. Đồng thời, Edo là thời kỳ mà các đô thị lớn ở Nhật Bản phát triển mạnh, tầng lớp thị dân, gồm phần lớn là thương nhân và thợ thủ công lớn mạnh dần cả về số lượng lẫn tiềm lực kinh tế, họ trở thành yếu tố quan trọng nâng đỡ nền văn hoá Edo.

Một chính quyền do giới võ sĩ cầm quyền lấy một học thuyết ngoại lai là Tống Nho của Trung Hoa để làm hệ tư tưởng chính thống, lấy chính sách đóng cửa bài ngoại làm chính sách đối ngoại, đàn áp ráo riết Thiên chúa giáo, hoàng cung và các chùa chiền đều bị Mạc phủ quản lý chặt chẽ. Với những điều này, người ta có thể hình dung đây là một xã hội khô cứng với nền kinh tế trì trệ, con người mất hết tự do và nền văn hoá thời kỳ này chắc sẽ ảm đạm, u buồn. Thế nhưng, trái với những suy luận thông thường đó, dưới thời Edo, kinh tế Nhật Bản vẫn phát triển, thậm chí còn có thể nói là mạnh, một số tiến bộ khoa học, kỹ thuật vẫn được áp dụng trong nông nghiệp và các ngành nghề thủ công, người dân vẫn có nhiều cơ hội làm giàu, có cơ hội tiếp xúc với học vấn. Khi mà đối với nhiều nước trên thế giới, học vấn còn đang là đặc sản của giới trí thức, thì vào giai đoạn trung và hậu kỳ Edo, người dân thường cũng biết đọc tiểu thuyết và làm thơ.

Trong bối cảnh đóng cửa, người Nhật đã biết xây dựng và hoàn thiện bản sắc văn hoá của mình để đáp ứng nhu cầu trong nước, bằng chính nội lực của mình và đã làm cho nền văn hoá của mình phát triển rực rỡ với những thành tựu đáng kể trước sự khâm phục của nhiều nước trên thế giới. Họ đã tạo ra được một nền kinh tế đủ mạnh để nâng đỡ nền văn hoá đặc sắc của mình. Các đô thị phát triển nhanh chóng, nền kinh tế hàng hoá bắt đầu phát

triển, đồng tiền bắt đầu ngự trị trong đời sống đã hình thành nền văn hoá của tầng lớp thị dân đang trường thành mạnh mẽ trong bối cảnh hoà bình. Có thể khẳng định rằng, tầng lớp thị dân giàu có này là những “mạnh thường quân”, nâng đỡ nền văn hoá thời Edo. Vì vậy, văn hoá Edo mang đậm nét đời thường của con người trần tục, của cuộc sống phù hoa và đầy khát vọng trần thế, đúng như tên gọi của trường phái văn hoá phổ biến của thời đại này, trường phái “Ukiyo” (Phù thế). Chúng ta có thể khẳng định rằng, văn hoá thời Edo ở Nhật Bản chính là văn hoá Ukiyo, đó là hơi thở của thời đại này. Không thể nói đến thời Edo mà lại không nói đến Ukiyo, một sản phẩm có một không hai trên thế giới đã tạo nên văn hoá Edo - nền văn hoá hướng nội.

Thời Edo là thời đại phục hưng của văn hoá Nhật Bản, nó đã để lại cho di sản văn hoá Nhật Bản và thế giới những tác phẩm văn học, nghệ thuật có giá trị thẩm mỹ và nhân văn. Bên cạnh tên tuổi của tướng quân Tokugawa, thế giới biết đến Nhật Bản với những tên tuổi bất hủ như Matsu Basho, Ihara, Saikaku, Chikamatsu, Kanno Taryu, Ogata Korin...

Nghiên cứu văn hoá Edo thời kỳ cận thế ở Nhật Bản, chúng ta cảm nhận được sức sống của một dân tộc có một nội lực mạnh mẽ. Các nhà nghiên cứu phương Tây đã tốn nhiều giấy mực để phân tích nguyên nhân dẫn đến chính sách đóng cửa bài ngoại của các tướng quân Tokugawa và hậu quả của nó. Nhưng ai cũng phải thừa nhận rằng, thực tế việc đóng cửa đó không ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của Nhật Bản thời kỳ đó, mà có lẽ, việc đóng cửa lại là sự lựa chọn cần thiết và đúng đắn của người Nhật nhằm bảo vệ nền văn hoá dân tộc trước những làn sóng văn hoá của chính sách thực dân phương Tây. Quả thực, người Nhật đã có một thời gian quý báu đủ để xây dựng kỷ cương, phép nước, tạo dựng một nền văn

hoá đậm đà bản sắc dân tộc để có đủ bản lĩnh tiếp nhận văn hoá phương Tây tràn vào sau đó.

Văn hoá và lịch sử với những con người tạo ra nó đan quyện vào nhau một cách hữu cơ. Văn hoá thời Edo phản ánh thực tế đất nước Nhật Bản thế kỷ XVII - XIX. Vì vậy, ngoài việc không ngừng duy trì, kế tục và hoàn thiện truyền thống văn hoá cổ xưa độc đáo của mình vào thời trung và hậu kỳ, nó bắt đầu thể hiện đòi hỏi của cuộc sống mang tính chất mầm mống của nền kinh tế thị trường tư bản đang hình thành và lớn lên trong cái vỏ bọc phong kiến. Chính trong lòng thời đại Edo đã lại nuôi dưỡng, tạo nên những con người làm thay đổi chính thể và bộ mặt đất nước Nhật Bản để đưa nước Nhật bước sang một giai đoạn văn hoá mới, văn hoá của cuộc Duy tân Minh Trị vĩ đại mở ra thời kỳ lịch sử cận đại của Nhật Bản.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. (Nguyễn Tử dịch), *Các nền văn minh lớn thế giới*, Nxb Trẻ, 2002.
2. (Lê Năng An dịch), *Lịch sử Nhật Bản*. Tập 1, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội 1994.
3. Joseph M.Kitagawa. (Hoàng Thị Thơ dịch). *Nghiên cứu tôn giáo Nhật Bản* Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội 2002.
4. (Lê Năng An dịch), *Lịch sử Nhật Bản*, Tập 1-2, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội 1994,1995.
5. *Lược sử văn hóa Nhật Bản*. Tập 1 - 2, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội 1994.
6. Theodore M.Ludwig. *Những con đường tâm linh phương Đông*. Phần II: *Các tôn giáo Trung Quốc và Nhật Bản*. Nxb Văn hoá - Thông tin, Hà Nội 2000.
